

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN HOÀNG HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /UBND - VH TT

Hoàng Hoá, ngày tháng năm 2022.

V/v hướng dẫn thực hiện tiêu chí xã đạt chuẩn NTM nâng cao; xã, thôn thông minh và xã có lĩnh vực nổi trội về chuyển đổi số trong xây dựng xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu giai đoạn 2022 – 2025..

Kính gửi:

- Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng NTM huyện;
- UBND các xã, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 – 2025; Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành tiêu chí thôn thông minh và tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 – 2025 theo lĩnh vực nổi trội nhất.

Thực hiện Công văn số 1720/STTTT-BCVT ngày 19/8/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông Thanh Hoá V/v hướng dẫn thực hiện tiêu chí xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao giai đoạn 2022 – 2025; Công văn số 1721/STTTT-BCVT ngày 19/8/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông Thanh Hoá V/v hướng dẫn thực hiện tiêu chí xã, thôn thông minh và xã có lĩnh vực nổi trội về chuyển đổi số trong xây dựng xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, huyện NTM nâng cao giai đoạn 2022 – 2025; UBND huyện Hoàng Hoá hướng dẫn việc đánh giá việc đánh giá tiêu chí Thông tin và Truyền thông trong xây dựng xã đạt chuẩn NTM nâng cao và đánh giá tiêu chí xã, thôn thông minh và xã có lĩnh vực nổi trội về chuyển đổi số trong xây dựng xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu giai đoạn 2022 – 2025 như sau:

**1. Nội dung thực hiện tiêu chí Thông tin và Truyền thông về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022 – 2025.**

- a) Về nội dung, yêu cầu của hồ sơ: Thực hiện theo Quyết định 33/2022/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND tỉnh và hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục 01.
- b) Về thành phần hồ sơ: Hướng dẫn tại Phụ lục 02.
- c) Số lượng hồ sơ: 02 bộ (*Sắp xếp theo thứ tự tại Phụ lục 04, đồng thời gửi bản điện tử đầy đủ để Sở Thông tin và Truyền thông Thanh Hoá và UBND huyện thực hiện thẩm định*).

**2. Nội dung thực hiện tiêu chí thôn thông minh, xã có lĩnh vực nổi trội về chuyển đổi số trong xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2022 – 2025.**

- a) Về nội dung, yêu cầu của hồ sơ: Thực hiện các tiêu chí thôn thông minh và xã có lĩnh vực nổi trội về chuyển đổi số theo quy định tại Quyết định 35/2022/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 của UBND tỉnh.
- b) Về thành phần hồ sơ: Hướng dẫn tại Phụ lục 03.

c) Số lượng hồ sơ: 02 bộ (Sắp xếp theo thứ tự tại Phụ lục 04, đồng thời gửi bản điện tử đầy đủ để Sở Thông tin và Truyền thông Thanh Hoá và UBND huyện thực hiện thẩm định).

Trên đây là hướng dẫn thực hiện tiêu chí Thông tin và Truyền thông trong xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022 – 2025; tiêu chí xã, thôn thông minh và xã có lĩnh vực nổi trội về chuyển đổi số trong xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2022 – 2025. UBND huyện kính gửi Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện tổng hợp; UBND các xã, thị trấn thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các Phó CT. UBND huyện;
- Văn phòng HĐND-UBND huyện;
- Bưu điện huyện (P/h);
- Các doanh nghiệp viễn thông (P/h);
- Lưu: VT, VH TT.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Phúc**

## **Phụ lục 01**

### **Hướng dẫn thực hiện tiêu chí Thông tin và Truyền thông trong xây dựng xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022 – 2025.**

Tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông trong xây dựng xã nông thôn mới nâng cao bao gồm 05 nội dung:

- Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân (8.1)

- Có tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt tối thiểu 50% đối với xã đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo; tối thiểu 80% đối với các xã còn lại. (8.2)

- Có dịch vụ báo chí truyền thông (8.3)

- Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới (8.4)

- Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...) (8.5)

#### **1. Điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân**

Ngoài việc đáp ứng các điều kiện của xã đạt chuẩn, điểm phục vụ bưu chính tại xã phải có khả năng phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân.

#### **2. Thuê bao sử dụng điện thoại thông minh**

Xã có tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt: Tối thiểu 50% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo; Tối thiểu 80% đối với các xã còn lại.

#### **3. Dịch vụ báo chí, truyền thông**

Xã đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) 100% thôn của xã khu vực đồng bằng có hệ thống loa hoạt động thường xuyên; 90% thôn, bản của xã khu vực miền núi có hệ thống loa hoạt động thường xuyên;

b) 100% số thôn trong xã có hộ gia đình thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet;

c) Có ít nhất một điểm cung cấp xuất bản phẩm.

#### **4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội**

Xã đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt tối thiểu 70%.

b) Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin đạt: Tối thiểu 80% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo và 100% đối với các xã còn lại;

c) Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt: Tối thiểu 50% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo; Tối thiểu 70% đối với các xã còn lại;

d) 100% sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử (Postmart.vn hoặc Voso.vn).

đ) 100% hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo, gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ.

**5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng**

- Khu vực UBND xã, hội trường.
- 100% các điểm du lịch cộng đồng trên địa bàn xã.

**Phụ lục 02****Danh sách hồ sơ báo cáo trình thẩm định tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao**

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí</b>	<b>Danh mục hồ sơ</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>Hồ sơ báo cáo xây dựng NTM nâng cao</b>			
1	<b>Tiêu chí thành phần 8.1, 8.2 và 8.5</b>	Kết quả thẩm tra, thẩm định việc xây dựng xã NTM nâng cao của UBND huyện	Biểu 01
2		Báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí nông thôn mới nâng cao về Thông tin và Truyền thông của UBND xã	
3		Danh sách sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử	Biểu 02
4		Danh sách các khu vực, điểm du lịch cộng đồng có wifi trên địa bàn xã	Biểu 03
5	<b>Tiêu chí thành phần 8.3</b>	Danh sách các thôn có hệ thống loa hoạt động thường xuyên	Biểu 04
6		Danh sách thôn có hộ gia đình thu xem được một trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng internet	Biểu 05
7	<b>Tiêu chí thành phần 8.4.</b>	Danh sách cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin	Biểu 06

**BIỂU 01**

**Biểu đánh giá, thẩm định (duy trì) tiêu chí nông thôn mới nâng cao xã .....**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Yêu cầu cần đạt được</b>	<b>Kết quả thẩm định</b>	<b>Đánh giá (Đạt/không đạt)</b>
<b>I</b>	<b>Điểm phục vụ bưu chính tại xã phải có khả năng phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân</b>	Có	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
1	Có máy tính kết nối internet tại điểm phục vụ	Có	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
2	Nhân viên tại Điểm phục vụ có khả năng sử dụng thành thạo và hướng dẫn được cho người dân sử dụng các dịch vụ công trực tuyến	Có	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
3	Điểm phục vụ có khả năng tiếp nhận và trả hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến theo yêu cầu của người dân	Có	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
	<b>Xét công nhận đạt chuẩn</b>	<i>Thỏa mãn tất cả các nội dung 1, 2, 3</i>	<b>ĐẠT</b> <input type="checkbox"/> <b>KHÔNG ĐẠT</b> <input type="checkbox"/>	
<b>II</b>	<b>Thuê bao sử dụng điện thoại thông minh</b>			
1	Xã có tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh	<input type="checkbox"/> Tối thiểu 50% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo; <input type="checkbox"/> Tối thiểu 80% đối với các xã còn lại.	Tỷ lệ: .....	
<b>III</b>	<b>Dịch vụ báo chí, truyền thông</b>			
1	Tỷ lệ thôn có hệ thống loa hoạt động thường xuyên	<input type="checkbox"/> 100% thôn của xã khu vực đồng bằng. <input type="checkbox"/> 90% thôn, bản của xã khu vực miền núi.	Tỷ lệ: .....	

2	Tỷ lệ thôn trong xã có hộ gia đình thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet.	100%	Tỷ lệ: .....	
3	Điểm cung cấp xuất bản phẩm trên địa bàn xã	Có ít nhất 01 điểm	Số điểm: ..... Tên điểm: ..... Địa chỉ: .....	
	<b>Xét công nhận đạt chuẩn</b>	<i>Thỏa mãn tất cả các tiêu chí thành phần của cả 3 nội dung 1, 2, 3</i>	<b>ĐẠT</b> <input type="checkbox"/> <b>KHÔNG ĐẠT</b> <input type="checkbox"/>	
<b>IV</b>	<b>Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội</b>			
1	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã	70%	Tỷ lệ: .....	
2	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin	<input type="checkbox"/> Tối thiểu 80% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo. <input type="checkbox"/> 100% đối với các xã còn lại.	Tỷ lệ: .....	
3	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản	<input type="checkbox"/> Tối thiểu 50% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo <input type="checkbox"/> Tối thiểu 70% đối với các xã còn lại	Tỷ lệ: .....	
4	Tỷ lệ sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử (postmart.vn hoặc voso.vn)	100%	Tỷ lệ: .....	
5	Tỷ lệ hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo, gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ.	100%	Tỷ lệ: .....	
	<b>Xét công nhận đạt chuẩn</b>	<i>Thỏa mãn tất cả các tiêu chí thành phần của cả 5 nội dung 1, 2, 3, 4, 5</i>	<b>ĐẠT</b> <input type="checkbox"/> <b>KHÔNG ĐẠT</b> <input type="checkbox"/>	

<b>V</b>	<b>Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng</b>			
1	Khu vực UBND xã	Có	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
2	Khu vực hội trường UBND xã	Có	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
3	Tỷ lệ các điểm du lịch cộng đồng trên địa bàn xã có wifi	100%	Tỷ lệ: .....	
	<b>Xét công nhận đạt chuẩn</b>	<i>Thỏa mãn tất cả các tiêu chí 1, 2, 3</i>		
<b>VI</b>	<b>Xét công nhận xã đạt chuẩn Tiêu chí số 8</b>	Phải đạt tất cả các nội dung I, II, III, IV, V	<b>ĐẠT</b> <input type="checkbox"/> <b>KHÔNG ĐẠT</b> <input type="checkbox"/>	

**CÁN BỘ THẨM ĐỊNH**

**ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH**



**BIỂU 02**

**Danh sách sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử postmart.vn hoặc voso.vn**

STT	Tên sản phẩm	Quyết định công nhận	Được đưa lên sàn (postmart.vn hoặc voso.vn)	Địa chỉ đường link xem sản phẩm	Ghi Chú
1					
2					
...					
	<b>Tổng cộng</b>				

- Tổng số sản phẩm OCOP của xã: .....

- Tỷ lệ sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá ở 1 trong 2 sàn postmart.vn hoặc voso.vn: .....%.

**Người thống kê**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Xác nhận của UBND xã**  
(ký tên, đóng dấu)

**BIỂU 03**

**Danh sách các khu vực, điểm du lịch cộng đồng có wifi trên địa bàn xã**

STT	Khu vực/tên điểm du lịch cộng đồng	Địa chỉ (Số nhà/thôn)	Ghi chú
1	Khu vực UBND xã		
2	Hội trường UBND xã		
...	<i>Các điểm du lịch cộng đồng</i>		
...			
	<b>Tổng cộng</b>		

- Tổng số điểm du lịch cộng đồng trên địa bàn xã: ....

- Tỷ lệ điểm du lịch cộng đồng có wifi: ....%

**Người thống kê**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Xác nhận của UBND xã**  
(ký tên, đóng dấu)

**BIỂU 04****Danh sách các thôn có hệ thống loa hoạt động thường xuyên**

TT	Tên thôn	Tình trạng		Ghi chú
		Hoạt động thường xuyên	Không hoạt động thường xuyên	
1	Thôn A	x		
2	Thôn B		x	
...				
	<b>Tổng số</b>			

- Tổng số thôn, bản của xã: .....

- Tỷ lệ thôn, bản có loa hoạt động thường xuyên: .....%

**Người thống kê**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Xác nhận của UBND xã**  
(ký tên, đóng dấu)

**BIỂU 05****Danh sách thôn, bản có hộ gia đình thu xem được một trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng internet.**

STT	Tên thôn	Có hộ gia đình thu xem được phương thức truyền hình				Ghi chú
		Vệ tinh	Cáp	Mặt đất	Mạng internet	
1	Thôn A	x	x			
2	Thôn B		x		x	
...						
	<b>Tổng cộng</b>					

- Tổng số thôn trong xã: .... thôn.

- Tỷ lệ thôn trong có hộ gia đình thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình nêu trên: ....%

**Người thống kê**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Xác nhận của UBND xã**  
(ký tên, đóng dấu)

**BIỂU 06****Danh sách cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin**

STT	Họ tên	Chức vụ	Nội dung bồi dưỡng, tập huấn		Ghi chú
			Kỹ năng số	An toàn thông tin	
1			x		
2				x	
...					
	<b>Tổng cộng</b>				

- Tổng số CBCC của xã: .... Người

- Tỷ lệ CBCC được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin  
.....%

**Người thống kê**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Xác nhận của UBND xã**  
(ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục 03**  
**Danh mục hồ sơ báo cáo trình thẩm định tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu**

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí</b>	<b>Danh mục hồ sơ</b>	<b>Ghi chú</b>
1	<b>Mô hình thôn thông minh</b>	Kết quả đánh giá, thẩm định tiêu chí xã có mô hình thôn thông minh của UBND huyện	Biểu 07
2		Báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí xây dựng mô hình thôn thông minh của UBND cấp xã	
3		Danh sách hộ cấp cung cấp dịch vụ điện thoại cố định, Internet băng thông rộng (điện thoại, Internet) tại các thôn	Biểu 09
4		Danh sách các trạm thu, phát sóng thông tin di động trên địa bàn xã	Biểu 10
5	<b>Xã có lĩnh vực nổi trội về chuyên đổi số</b>	Kết quả đánh giá, thẩm định xã có lĩnh vực nổi trội về chuyển đổi số của UBND huyện	Biểu 08
6		Báo cáo kết quả xây dựng xã có lĩnh vực nổi trội về chuyển đổi số	

**BIỂU 07**  
**Biểu đánh giá, thẩm định tiêu chí xã có mô hình thôn thông minh**  
**Tên thôn: ..... thuộc xã/huyện .....**

TT	Nội dung	Yêu cầu cần đạt được	Kết quả thẩm định	Đánh giá (Đạt/không đạt)
1	Có hạ tầng Internet cáp quang và thông tin di động 3G/4G đến thôn.	Có	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
2	Cán bộ thôn có ứng dụng các nền tảng số để thực hiện công tác thông tin, truyền truyền trong thôn.	Có	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
3	Có mô hình ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số <sup>(1)</sup>	Ít nhất 01 mô hình Ứng dụng trong lĩnh vực: .....	Số mô hình: .....	
4	Tỷ lệ người dân trong thôn trong độ tuổi lao động biết đến và có kỹ năng sử dụng các loại hình dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu khác	70%	Tỷ lệ: .....	
5	Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động trong thôn có tài khoản thanh toán điện tử, có thể thanh toán được các dịch vụ thiết yếu	50%	Tỷ lệ: .....	
6	Tỷ lệ nhà ở cá nhân, hộ gia đình trong thôn được gắn mã địa chỉ trên nền tảng bản đồ số.	100%	Tỷ lệ: .....	
	<b>Xét công nhận đạt chuẩn</b>	Thỏa mãn tất cả 6 nội dung trên	<b>ĐẠT</b> <input type="checkbox"/> <b>KHÔNG ĐẠT</b> <input type="checkbox"/>	

**CÁN BỘ THẨM ĐỊNH**

**ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH**

<sup>(1)</sup> Nội dung báo cáo mô hình ứng dụng CNTT, chuyển đổi số phải nêu được mục đích, phạm vi, công nghệ sử dụng và hiệu quả đạt được của việc triển khai mô hình

**BIỂU 08****Biểu đánh giá, thẩm định tiêu chí xã có lĩnh vực nổi trội về chuyển đổi số.****Tên xã: ..... thuộc huyện .....**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Yêu cầu cần đạt được</b>	<b>Kết quả thẩm định</b>	<b>Đánh giá (Đạt/không đạt)</b>
1	Tỷ lệ văn bản đến và văn bản đi của xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ văn bản có tính mật)	100%	Tỷ lệ: .....	
2	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính đủ điều kiện giải quyết trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên Cổng dịch vụ công của tỉnh và trên các phương tiện truy cập (bao gồm cả thiết bị di động)	100%	Tỷ lệ: .....	
3	Xã có phòng họp trực tuyến.	Có	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
4	Xã có sử dụng nền tảng số để chỉ đạo, điều hành từ cấp ủy và chính quyền xã đến 100% cán bộ thôn, bản.	Có	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
5	Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động có kỹ năng sử dụng các loại hình dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu	70%	Tỷ lệ: .....	
6	Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động của xã có tài khoản thanh toán điện tử, có thể thanh toán được các dịch vụ thiết yếu	50%	Tỷ lệ: .....	
7	Xã có hệ thống Đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông	Có	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
8	Tỷ lệ nhà ở cá nhân, hộ gia đình; trụ sở cơ quan, tổ chức; các cơ sở dân sinh, kinh tế - xã hội trong xã được gắn mã địa chỉ trên nền tảng bản đồ số	100%	Tỷ lệ: .....	

	<b>Xét công nhận đạt chuẩn</b>	Thỏa mãn tất cả 8 nội dung nêu trên	<b>ĐẠT</b> <input type="checkbox"/> <b>KHÔNG ĐẠT</b> <input type="checkbox"/>	
--	--------------------------------	-------------------------------------	--	--

**CÁN BỘ THẨM ĐỊNH**

**ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH**

**BIỂU 09****Danh sách hợp cấp cung cấp dịch vụ điện thoại cố định, Internet băng thông rộng (điện thoại, Internet) tại các thôn**

TT	Tên thôn	Dịch vụ điện thoại mặt đất		Dịch vụ truy nhập Internet		Ghi chú
		Cố định	Di động	Cố định	Trên mạng viễn thông di động	
1	<i>Thôn A</i>	x	x			
2	<i>Thôn B</i>			x	x	
...						

**Người thống kê**  
(*ký, ghi rõ họ tên*)

**Xác nhận của UBND xã**  
(*ký tên, đóng dấu*)

**BIỂU 10****Danh sách các trạm thu, phát sóng thông tin di động**

STT	Địa chỉ lắp đặt	Mạng thông tin di động (Ghi tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ)	Năm phát sóng	Ghi chú
1				
2				
...				

**Người thống kê**  
(*ký, ghi rõ họ tên*)

**Xác nhận của UBND xã**  
(*ký tên, đóng dấu*)